TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 04-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2021/TLST-DS ngày 20/12/2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1974; bà Âu Quế P, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 3, thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1977 (văn bản ủy quyền ngày 06/01/2022); có mặt.

- *Bị đơn*:

Ông Phan Thành Đ, sinh năm 1980; có đơn xin vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1979; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Xuân T trình bày: Do có quen biết nên vợ chồng ông Q, bà P nhiều lần cho bà S, ông Đ vay tiền. Ngày 24/10/2021, vợ chồng ông Q, bà P và vợ chồng bà S, ông Đ làm giấy xác nhận mượn tiền. Theo đó, vợ chồng bà S, ông Đ còn nợ vợ chồng ông Q, bà P

số tiền 2.550.000.000 đồng. Dù nhiều lần vợ chồng ông Q, bà P yêu cầu vợ chồng bà S, ông Đ trả nhưng cho đến nay vợ chồng bà S, ông Đ mới trả được số tiền 100.000.000 đồng. Nay, vợ chồng ông Q, bà P yêu cầu vợ chồng bà S, ông Đ trả số tiền 2.450.000.000 đồng.

Quá trình làm việc, tại bản tự khai bị đơn bà S, ông Đ trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà P, ông Q. Hiện tại bà S, ông Đ còn nợ số tiền 2.450.000.000 đồng của bà P, ông Q.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận và đối đáp, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự thể hiện bị đơn còn nợ số tiền 2.450.000.000 đồng của nguyên đơn. Lời khai nhận của bị đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 2.450.000.000 đồng cho nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 2.450.000.000 đồng. Do đó, HĐXX xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn hiện cư trú tại thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, ông Phan Thành Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Do có quen biết nên vợ chồng ông Q, bà P nhiều lần cho bà S, ông Đ vay tiền. Ngày 24/10/2021, vợ chồng ông Q, bà P và vợ chồng bà S, ông Đ làm giấy xác nhận mượn tiền. Theo đó, vợ chồng bà S, ông Đ còn nợ vợ chồng ông Q, bà P số tiền 2.550.000.000 đồng. Dù nhiều lần vợ chồng ông Q, bà P yêu cầu vợ chồng bà S, ông Đ trả nhưng cho đến nay vợ chồng bà S, ông Đ mới trả được số tiền 100.000.000 đồng. Nay, vợ chồng ông Q, bà P yêu cầu vợ chồng bà S, ông Đ trả số tiền 2.450.000.000 đồng. Tại bản tự khai, tại đơn xin vắng mặt bà S và ông Đ có ý kiến, chữ ký, chữ viết trên giấy xác nhận mượn tiền là của bà S, ông Đ; hiện tại bà S,

ông Đ còn nợ của bà P, ông Q số tiền 2.450.000.000 đồng, xin được trả góp mỗi tháng 300.000.000 đồng.

[3] HĐXX xét thấy: Lời khai nhận của bị đơn thừa nhận chữ ký, chữ viết trên giấy xác nhận mượn tiền là của bị đơn và hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 2.450.000.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn xin được trả dần mỗi tháng 300.000.000 đồng, tuy nhiên từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thì bị đơn không có thiện chí trả nợ cho nguyên đơn. Nên, nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần. Do vậy, HĐXX có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 2.450.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[4] Đối với tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 71, 92, 147, 161, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 122, 124, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Q, bà Âu Quế P đối với bị đơn ông Phan Thành Đ, bà Nguyễn Thị S về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bị đơn ông Phan Thành Đ, bà Nguyễn Thị S phải liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Q, bà Âu Quế P số tiền 2.450.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi đối với bị đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho nguyên đơn số tiền 41.500.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007865 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

Bị đơn phải nộp 81.000.000 đồng (Tám mươi mốt triệu đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Mạnh